

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 62

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có Văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 56 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diệm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lee Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Trục	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61005161/21092963/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.718.545.725	49.668.341.572
110	I. Tiền	5	623.643.918	607.809.500
111	1. Tiền		622.697.518	607.809.500
112	2. Các khoản tương đương tiền		946.400	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.496.231.710	2.622.741.246
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	176.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	2.496.231.710	2.446.095.525
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.263.112.140	17.417.644.352
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	4.526.679.894	4.305.533.780
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	13.969.303.992	8.770.677.881
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	1.922.929.179	1.073.907.030
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	3.889.290.483	3.313.062.834
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(47.810.253)	(48.044.714)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.718.845	2.507.541
140	IV. Hàng tồn kho	12	30.090.352.796	27.933.055.068
141	1. Hàng tồn kho		30.156.509.211	28.007.363.892
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(66.156.415)	(74.308.824)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.245.205.161	1.087.091.406
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19	267.018.503	155.137.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	23	960.113.794	909.271.486
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23	18.072.864	22.682.868
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.529.816.226	25.167.505.956
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		130.840.098	125.562.781
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	11	14.850.000	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	116.240.098	110.962.781
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(250.000)	(250.000)
220	II. Tài sản cố định		12.790.422.287	11.893.050.412
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	8.502.564.275	7.566.186.006
222	Nguyên giá		12.850.595.961	11.775.509.996
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.348.031.686)	(4.209.323.990)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	4.287.858.012	4.326.864.406
228	Nguyên giá		4.543.336.014	4.553.296.552
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(255.478.002)	(226.432.146)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	2.212.425.484	2.235.917.925
231	1. Nguyên giá		2.271.584.691	2.271.584.691
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(59.159.207)	(35.666.766)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		7.288.644.762	6.450.764.966
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	7.288.644.762	6.450.764.966
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		775.746.023	68.919.987
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	10.619.618	6.419.618
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	765.126.405	62.500.369
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.331.737.572	4.393.289.885
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	530.587.954	473.216.110
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	52.452.895	1.455.411
269	3. Lợi thế thương mại	20	3.748.696.723	3.918.618.364
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		86.248.361.951	74.835.847.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		51.334.968.330	43.673.929.801
310	I. Nợ ngắn hạn		46.220.452.683	40.781.960.266
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21	14.096.597.849	13.032.994.822
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	1.489.388.500	2.204.548.251
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	837.252.718	1.261.095.615
314	4. Phải trả người lao động		89.185.184	4.203.776
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	1.293.532.253	1.705.060.816
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		43.868.438	2.584.812
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	1.610.757.373	196.062.676
320	8. Vay ngắn hạn	26	26.627.416.945	22.270.191.920
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	27	116.273.697	93.670.295
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.179.726	11.547.283
330	II. Nợ dài hạn		5.114.515.647	2.891.969.535
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		339.481	757.983
337	2. Phải trả dài hạn khác	25	49.999.055	37.969.555
338	3. Vay dài hạn	26	4.809.222.476	2.618.559.721
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	227.622.376	205.297.967
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		27.332.259	29.384.309
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		34.913.393.621	31.161.917.727
410	I. Vốn chủ sở hữu		34.913.393.621	31.161.917.727
411	1. Vốn cổ phần	28.1	16.950.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.950.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	28.1	3.620.919.783	29.878.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	28.1	22.174.800	15.799.800
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.1	331.122	5.703.503
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.1	10.917.292.993	11.152.685.358
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.110.705.850	4.652.349.432
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.806.587.143	6.500.335.926
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28.6	3.402.674.923	3.377.850.229
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		86.248.361.951	74.835.847.528

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	26.846.842.245	27.753.447.275
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(11.095.646)	(2.029.652)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	26.835.746.599	27.751.417.623
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(21.935.637.911)	(22.282.241.835)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.900.108.688	5.469.175.788
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	406.179.943	388.356.276
22	7. Chi phí tài chính	32	(1.217.399.424)	(689.563.865)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	32	(677.796.196)	(275.738.586)
25	8. Chi phí bán hàng	31	(1.177.636.249)	(893.890.825)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(989.367.219)	(915.335.819)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.921.885.739	3.358.741.555
31	11. Thu nhập khác	33	83.675.280	68.214.500
32	12. Chi phí khác	33	(67.232.917)	(100.789.520)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	33	16.442.363	(32.575.020)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.938.328.102	3.326.166.535
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.2	(138.318.456)	(317.232.806)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	35.3	28.673.075	34.871.359
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.828.682.721	3.043.805.088
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.806.587.143	3.003.370.101
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		22.095.578	40.434.987
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	28.5	1.070	1.811
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	28.5	1.070	1.811

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.938.328.102	3.326.166.535
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 20	973.435.268	748.043.109
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		12.164.482	(2.373.959)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		44.532.910	80.028.543
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(77.739.168)	64.734.511
06	Chi phí lãi vay	32	677.796.196	275.738.586
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.568.517.790	4.492.337.325
09	Tăng các khoản phải thu		(5.905.776.503)	(3.117.527.999)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.149.145.319)	(975.226.887)
11	Tăng các khoản phải trả		199.515.061	8.203.936.250
12	Tăng chi phí trả trước		(169.253.295)	(53.024.786)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		176.645.721	123.676.637
14	Tiền lãi vay đã trả		(893.300.866)	(425.118.771)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	35.2	(306.993.533)	(246.418.205)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.448.039)	(624.957)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(5.485.238.983)	8.002.008.607
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.845.182.081)	(1.726.035.196)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		143.752.369	166.226.281
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(901.052.063)	(16.669.886)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi tiết kiệm		1.893.729	44.031.183
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(706.826.036)	-
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		14.812.452	16.773.377
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(4.292.601.630)	(1.515.674.241)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp của cổ đông không kiểm soát		3.988.040.946	400.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		41.514.918.881	19.974.818.097
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(34.953.237.044)	(25.428.947.204)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	28.3	(756.048.444)	(1.067.630.995)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		-	(17.272.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		9.793.674.339	(6.139.032.602)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		15.833.726	347.301.764
60	Tiền đầu kỳ		607.809.500	450.085.202
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		692	(27.761)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	623.643.918	797.359.205


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch, và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ .

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 56 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 19.651 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 17.854).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có 62 công ty con trực tiếp và 2 công ty con gián tiếp như được trình bày sau đây:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
1. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100
2. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải – KIA	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100	100
4. Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99	99,99
5. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chu Lai – Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100
7. Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chu Lai – Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	100
8. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải – Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
9. Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải – Bus Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100
10. Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
11. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	100
12. Soo Sung Motors Technology Co., Ltd	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75	75
13. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Chu Lai – Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100	100
14. Công ty TNHH Một thành viên Gia công Thép Chu Lai – Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100	100
15. Công ty TNHH Một thành viên Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai – Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100
16. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	100
17. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
18. Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất ô tô Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	100
19. Trường Cao đẳng THACO	Đào tạo	Đang hoạt động	100	100
20. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sản xuất Diêu Bằng	Thương mại	Đang hoạt động	100	100
21. Công ty TNHH Một thành viên Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Ngưng hoạt động	100	100
22. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải – Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	100
23. Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
24. Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100	100
25. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải – Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
26. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100	100
27. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường bộ Chu Lai – Trường Hải	Vận tải - Giao nhận – Phân phối	Đang hoạt động	100	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
28. Công ty TNHH Một thành viên Huế Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
29. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51	51
30. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100	100
31. Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8	99,8
32. Công ty TNHH Một thành viên Ô tô Trường Hải – Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
33. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51	51
34. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai – Trường Hải	Sản xuất keo dính	Đang hoạt động	100	100
35. Công ty TNHH Một thành viên Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
36. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	100
37. Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100	100
38. Công ty TNHH Một thành viên Trường Phú	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
39. Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51	51
40. Công ty TNHH Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
41. Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh Kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	100
42. Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai -Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	100
43. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100
44. Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51	51
45. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Phú Yên	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	100
46. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
47. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh ("DQM")	Mua bán bất động sản	Đang hoạt động	77,5	77,5
48. Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,5	77,5
49. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Ô tô Thaco – Mazda	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100
50. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	60	60
51. Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Sản xuất máy nông nghiệp	Trước hoạt động	100	100
52. Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	100
53. Công ty Cổ phần Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Đồng Nai	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,8	99,8
54. Công ty Cổ phần Cơ Khí Ô tô Nghệ An	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,34	98,71
55. Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Thân vỏ Ô tô THACO	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	100
56. Công ty TNHH Sản Xuất Xe Du Lịch Chuyên Dụng Cao Cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100
57. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8	-
58. Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8	-
59. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Châu Âu Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	-
60. Công ty TNHH Vận tải Nông sản Chuyên dụng Thaco	Vận chuyển	Đang hoạt động	100	-
61. Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi")	Sản xuất nông nghiệp	Đang hoạt động	75	-
62. Công ty TNHH Dịch vụ Đô thị Đại Quang Minh	Dịch vụ quản lý vận hành bất động sản	Đang hoạt động	77,5	77,5
63. Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp chuyên Nông nghiệp THACO – Thái Bình	Xây dựng	Đang hoạt động	77,5	-
64. Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp chuyên Nông Lâm nghiệp THACO – Chu Lai (*)	Xây dựng	Trước hoạt động	100	-

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn chưa góp vốn vào công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Xe và hàng tồn kho liên quan

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hàng hóa và bộ linh kiện (CKD) | - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh đối với xe và CKD và theo phương pháp bình quân gia quyền đối với phụ tùng. |
| Nguyên vật liệu, phụ tùng, linh kiện và công cụ, dụng cụ (không bao gồm CKD) | - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là bất động sản tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của bất động sản tồn kho bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của bất động sản tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản tồn kho đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Tập đoàn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được hao mòn theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà máy sản xuất và lắp ráp, phòng trưng bày, trung tâm thương mại xe, các dự án dưới hình thức hợp đồng xây dựng và chuyển giao, nhà cửa, vật kiến trúc và các chi phí trực tiếp khác của Tập đoàn mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Khu văn phòng, thương mại, trường học và tầng hầm	45 - 50 năm
---------------------------------------------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa trong quá khứ, Tập đoàn đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm của Tập đoàn được bán ra trong kỳ. Tập đoàn tin rằng chi phí bảo hành đã dự phòng này sẽ được sử dụng phần lớn trong các kỳ tiếp theo. Tập đoàn ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và tùy thuộc vào điều khoản của từng hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự

Đối với các căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự đã được chuyển giao sang người mua.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân

Vào ngày 31 tháng 1 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 99,8% vốn góp từ các cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên ("Hyundai Hưng Yên") với tổng giá phí là 122.137.661 ngàn VND.

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 99,8% vốn góp từ các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân ("Phú Xuân") với tổng giá phí là 29.940.000 ngàn VND.

Theo đó, Hyundai Hưng Yên và Phú Xuân đã trở thành hai công ty con của Công ty kể từ ngày hoàn tất chuyển nhượng. Hoạt động chính của Hyundai Hưng Yên và Phú Xuân là mua bán ô tô.

Giá trị hợp lý tạm thời được xác định của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Hyundai Hưng Yên và Phú Xuân vào ngày mua được trình bày dưới đây:

	Ngàn VND		
	<u>Giá trị hợp lý tạm thời được xác định tại ngày mua</u>		
	<i>Hyundai Hưng Yên</i>	<i>Phú Xuân</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tài sản			
Tiền	3.823	20.481	24.304
Các khoản phải thu	24.972.425	-	24.972.425
Tài sản cố định hữu hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	20.105.646	-	20.105.646
Các tài sản khác	1.136.430	194.776	1.331.206
	46.218.324	215.257	46.433.581
Nợ phải trả			
Nợ ngắn hạn	(3.666)	(18.000)	(21.666)
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý được xác định tạm thời	46.214.658	197.257	46.411.915
Phần tài sản thuần thuộc các cổ đông không kiểm soát	92.429	395	92.824
Phần tài sản thuần đã mua	46.122.229	196.862	46.319.091
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 20</i>)	76.015.432	29.743.138	105.758.570
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	122.137.661	29.940.000	152.077.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt	60.718.396	64.793.143
Tiền gửi ngân hàng	510.576.826	542.717.357
Tiền đang chuyển	51.402.296	299.000
Các khoản tương đương tiền (*)	946.400	-
TỔNG CỘNG	<u>623.643.918</u>	<u>607.809.500</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trái phiếu chuyển đổi (i) (Thuyết minh số 36)	2.216.880.000	2.216.880.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (ii)	279.351.710	229.215.525
TỔNG CỘNG	<u>2.496.231.710</u>	<u>2.446.095.525</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết trái phiếu chuyển đổi vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoang Anh Gia Lai ("HA Agrico")	<u>2.216.880.000</u> Ngàn VND	Ngày 8 tháng 8 năm 2019	0	Đầu tư các dự án nông nghiệp và tái cấu trúc tài chính của HA Agrico	Không có tài sản đảm bảo

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2018/NQ-HĐQT/THACO ngày 2 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua 221.688 trái phiếu chuyển đổi do HA Agrico phát hành với mệnh giá là 10.000.000 VND/trái phiếu. Theo đó, Tập đoàn và HA Agrico đã ký kết Hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi số 01/2018 ngày 3 tháng 8 năm 2018 và Tập đoàn đã hoàn tất việc mua toàn bộ số lượng trái phiếu chuyển đổi nêu trên vào ngày 8 tháng 8 năm 2018 (*Thuyết minh số 36*).

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 26*, Tập đoàn đã sử dụng trái phiếu chuyển đổi để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không vượt quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi 182.620.099 ngàn VND tại Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ("Shinhan Việt Nam"). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản tiền gửi tại Shinhan Việt Nam đang được bảo lãnh cho khoản vay ngân hàng như được trình bày tại *Thuyết minh số 26*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên khác	4.456.833.120	4.296.924.138
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	69.846.774	8.609.642
TỔNG CỘNG	4.526.679.894	4.305.533.780
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.767.456)	(27.001.917)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.499.912.438	4.278.531.863

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	(27.001.917)	(19.471.496)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	234.461	19.566
Số cuối kỳ	(26.767.456)	(19.451.930)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trả trước mua cổ phần (i)	10.616.746.885	5.901.239.068
Trả trước mua hàng hóa và dịch vụ	1.406.839.870	769.523.970
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	1.314.331.065	1.397.452.218
Trả trước mua quyền sử dụng đất	631.386.172	702.452.714
Trả trước đầu tư phòng trưng bày xe và tài sản	-	9.911
TỔNG CỘNG	13.969.303.992	8.770.677.881
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	8.007.323.995	2.988.536.595
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu		
Tổng hợp Hà Nội	170.000.000	170.000.000
Các bên khác	5.791.979.997	5.612.141.286

(i) Bao gồm trong khoản trả trước mua cổ phần là:

- Khoản tiền trả trước cho một đối tác cá nhân với số tiền là 2.829.639.294 ngàn VND theo Hợp đồng Đặt cọc số 2811/2018/HDDC/DQM-TBD ngày 28 tháng 11 năm 2018;
- Khoản tiền trả trước cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai với số tiền là 2.500.124.000 ngàn VND theo Thỏa thuận hứa mua bán cổ phần ngày 10 tháng 7 năm 2018 và ngày 31 tháng 10 năm 2018 để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh; và
- Khoản tiền trả trước cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai với số tiền 3.053.978.000 ngàn VND theo Hợp đồng Mua bán Phần vốn góp ngày 17 tháng 6 năm 2019 để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (sau này được đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương) và số tiền 1.283.543.000 ngàn VND theo Thỏa thuận Hứa Mua bán Cổ phần – Phần vốn góp ngày 4 tháng 4 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 36</i>)	1.803.886.382	954.864.233
Cho vay bên khác	119.042.797	119.042.797
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ngọc Thy	98.000.000	98.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	15.977.949	15.977.949
- Khác	5.064.848	5.064.848
TỔNG CỘNG	1.922.929.179	1.073.907.030
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.042.797)	(21.042.797)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.901.886.382	1.052.864.233

Các khoản cho vay ngắn hạn của Tập đoàn có lãi suất bình quân dao động từ 5%/năm đến 8%/năm.

10. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	3.889.290.483	3.313.062.834
Tạm ứng cho nhân viên (<i>i</i>)	1.293.443.612	1.208.392.751
Thuế nhập khẩu ước tính được hoàn	1.134.062.858	834.005.197
Giá trị khối lượng hoàn thành dự án xây dựng đã được xác nhận và chờ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	997.247.610	997.247.610
Chi trả hộ	115.583.377	79.479.771
Ký quỹ mở thư tín dụng	85.284.151	19.549.484
Lãi cho vay	56.753.534	445.093
Nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước	39.369.497	106.456.247
Khác	167.545.844	67.486.681
Dài hạn	116.240.098	110.962.781
Ký quỹ, ký cược (<i>ii</i>)	116.240.098	110.962.781
TỔNG CỘNG	4.005.530.581	3.424.025.615
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	3.943.939.588	3.419.993.267
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 36)</i>	61.590.993	4.032.348

- (i) Số dư này chủ yếu là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- (ii) Số dư này chủ yếu thể hiện khoản ký quỹ cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án Vùng Châu thổ phía Nam thuộc Khu Đô thị mới Thủ Thiêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là khoản tiền Tập đoàn cho một cá nhân và một tổ chức vay theo hợp đồng vay tiền ngày 24 tháng 11 năm 2017 với tổng số tiền là 14.850.000 ngàn VND trong thời hạn 3 năm và không có tài sản đảm bảo.

12. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bất động sản tồn kho (i)	8.846.498.987	-	9.171.991.671	-
Hàng mua đang đi trên đường	7.147.096.212	-	7.390.842.979	-
Thành phẩm	6.517.507.767	(445.373)	3.132.245.108	(1.654.562)
Nguyên vật liệu	3.851.228.933	(17.259.870)	3.197.733.408	(17.261.900)
Hàng hóa	2.899.694.409	(48.451.172)	4.313.148.450	(55.392.362)
Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang	875.676.195	-	778.123.685	-
Công cụ, dụng cụ	18.806.708	-	23.278.591	-
TỔNG CỘNG	30.156.509.211	(66.156.415)	28.007.363.892	(74.308.824)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(i) Đây là bất động sản tồn kho của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh ("DQM"), công ty con của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí xây dựng và chi phí khác liên quan trực tiếp tới dự án	4.705.855.361	5.146.663.764
Khu II	2.048.024.257	2.029.399.652
- Dự án Biệt thự (Saroma Villa)	1.541.971.109	1.508.039.299
- Dự án Sarica Condominium	494.434.259	497.200.004
- Dự án Nhà phố thương mại (Shophouse)	11.618.889	24.160.349
Khu III	1.996.025.094	2.465.639.021
- Dự án Biệt thự	685.290.344	663.901.079
- Dự án Sarina Condominium	661.150.889	1.176.233.433
- Dự án Nhà phố thương mại (Sari Town)	649.583.861	625.504.509
Khu VI	661.806.010	651.625.091
- Dự án Sadora Apartment	581.374.557	571.997.165
- Dự án Savita	42.853.503	42.049.976
- Dự án Samera	37.577.950	37.577.950
Chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí chung	2.831.207.435	2.689.122.986
Tiền sử dụng đất	1.218.502.285	1.278.741.665
Khác	90.933.906	57.463.256
TỔNG CỘNG	8.846.498.987	9.171.991.671

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 26*, Tập đoàn đã sử dụng một số bất động sản tồn kho của DQM để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	(74.308.824)	(71.871.341)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	8.152.409	7.563.806
Số cuối kỳ	<u>(66.156.415)</u>	<u>(64.307.535)</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.892.363.482	5.720.723.609	912.419.263	168.950.162	81.053.480	11.775.509.996
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	263.777.258	1.023.108.236	187.917.618	10.195.200	7.364.976	1.492.363.288
Mua mới trong kỳ	52.629.703	168.032.545	18.902.872	6.024.062	6.294.015	251.883.197
Thanh lý, xóa sổ	(32.167.139)	(612.996.241)	(11.161.791)	(6.072.944)	(33.803)	(662.431.918)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(4.869.327)	(1.375.683)	(344.445)	(139.147)	-	(6.728.602)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	5.171.733.977	6.297.492.466	1.107.733.517	178.957.333	94.678.668	12.850.595.961
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	166.776.458	845.458.239	136.037.014	68.720.319	25.838.860	1.242.830.890
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	(1.329.067.971)	(2.326.173.099)	(401.827.418)	(106.148.941)	(46.106.561)	(4.209.323.990)
Khấu hao trong kỳ	(197.166.184)	(364.603.753)	(60.515.388)	(12.982.656)	(5.690.494)	(640.958.475)
Thanh lý, xóa sổ	15.284.009	481.868.659	3.306.420	1.951.444	33.803	502.444.335
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(83.721)	45.383	(190.005)	34.787	-	(193.556)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	(1.511.033.867)	(2.208.862.810)	(459.226.391)	(117.145.366)	(51.763.252)	(4.348.031.686)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.563.295.511	3.394.550.510	510.591.845	62.801.221	34.946.919	7.566.186.006
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	3.660.700.110	4.088.629.656	648.507.126	61.811.967	42.915.416	8.502.564.275

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 26*, Tập đoàn đã sử dụng một số tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.806.228.617	1.659.798.785	421.178	56.261.781	30.586.191	4.553.296.552
Mua mới trong kỳ	-	19.912	-	6.334.442	-	6.354.354
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	(527.432)	-	(527.432)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(13.192.498)	-	-	(30.006)	(2.564.956)	(15.787.460)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.793.036.119	1.659.818.697	421.178	62.038.785	28.021.235	4.543.336.014
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	-	2.113.947	421.178	17.056.767	-	19.591.892
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	(168.913.354)	(421.178)	(28.922.655)	(28.174.959)	(226.432.146)
Hao mòn trong kỳ	-	(26.466.081)	-	(6.838.060)	-	(33.304.141)
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	126.073	-	126.073
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.639.481	-	25.620	2.467.111	4.132.212
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	-	(193.739.954)	(421.178)	(35.609.022)	(25.707.848)	(255.478.002)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.806.228.617	1.490.885.431	-	27.339.126	2.411.232	4.326.864.406
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.793.036.119	1.466.078.743	-	26.429.763	2.313.387	4.287.858.012

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 26*, Tập đoàn đã sử dụng một số tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bất động sản đầu tư cho thuê của DQM	<u>2.212.425.484</u>	<u>2.235.917.925</u>

Chi tiết bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Khu văn phòng, thương mại, trường học và tầng hầm</i>	
Nguyên giá:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019		<u>2.271.584.691</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018		(35.666.766)
Khấu hao trong kỳ		<u>(23.492.441)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019		<u>(59.159.207)</u>
Giá trị còn lại:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018		<u>2.235.917.925</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019		<u>2.212.425.484</u>

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	28.804.529	16.535.355
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	(15.488.356)	(8.071.979)

Các khoản tiền thuê thu được hàng kỳ trong tương lai được trình bày tại *Thuyết minh số 37*.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách do hầu hết bất động sản đầu tư đã được cho thuê vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 178.616.952 ngàn VND (cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 206.227.517 ngàn VND). Đây là chi phí đi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ việc xây dựng và phát triển các dự án căn hộ, nhà phố và biệt thự thuộc Khu Đô thị Sala trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; và phát triển cơ sở hạ tầng của Khu công nghiệp Chu Lai Trường Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Khu dự án phức hợp thương mại và văn phòng	2.646.124.268	2.246.985.291
Dự án Xây dựng – Chuyển giao (“BT”) (i)	1.551.470.156	1.158.750.244
Hệ thống Showroom xe du lịch	476.659.755	444.310.352
Hệ thống Showroom xe thương mại	354.499.072	387.692.621
Nhà điều hành Chu Lai – Trường Hải	348.485.261	152.773.840
Dự án Cầu vượt nút giao giữa Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam, Chu Lai – Quảng Nam	345.980.884	340.485.902
Mua máy móc và thiết bị	340.675.041	73.706.706
Khu Công nghiệp Cơ khí	295.292.327	267.625.654
Trung tâm Thương mại và Showroom tại Rạch Giá - Kiên Giang	247.713.228	246.651.180
Dự án Nhà văn hóa	241.018.656	235.390.524
Dự án Trường học	101.443.927	98.970.338
Công trình Cảng Tam Hiệp	85.797.737	85.797.737
Dự án Nhà máy Thaco - Mazda	35.286.753	522.726.070
Dự án Nhà máy Thaco - Bus	22.416.819	19.642.171
Khác	195.780.878	169.256.336
TỔNG CỘNG	<u>7.288.644.762</u>	<u>6.450.764.966</u>

(i) Đây là các dự án BT được thực hiện trên cơ sở các Hợp đồng BT số 883/HĐ-UBND-M và 409/HĐ-UBND-M đã ký kết với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt vào các ngày 1 tháng 12 năm 2014 và ngày 19 tháng 6 năm 2015. Theo đó, Tập đoàn sẽ đầu tư xây dựng các dự án BT và đổi lại Tập đoàn sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với các dự án BT đã thực hiện trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm để phát triển các dự án bất động sản khác. Tổng vốn đầu tư của các dự án này là 11.347.628.741 ngàn VND.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2019, Thanh tra Chính phủ đã thông báo kết luận thanh tra về công tác quản lý Nhà nước và thực hiện pháp luật trong quy hoạch, quản lý xây dựng, đất đai tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 1041/TB-TTCP (“Thông báo”). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, DQM sẽ phối hợp cùng với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các Cơ quan Sở ngành thực hiện các nội dung có liên quan được nêu tại Thông báo theo đúng quy định của pháp luật.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	10.619.618	6.419.618
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.2)	765.126.405	62.500.369
TỔNG CỘNG	<u>775.746.023</u>	<u>68.919.987</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	50	3.733.509	50	3.733.509
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai	35	4.200.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vỏ xe Triều Hải	30	2.686.109	30	2.686.109
TỔNG CỘNG		10.619.618		6.419.618

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Ngàn VND
	Số tiền
Giá trị đầu tư:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	7.155.347
Tăng trong kỳ	4.200.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>11.355.347</u>
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>(735.729)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>6.419.618</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>10.619.618</u>

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HA Agrico") (*)	69.700.000	702.626.036	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	62.500.369	3.727.800	62.500.369
TỔNG CỘNG	73.427.800	765.126.405	3.727.800	62.500.369

(*) Như được trình bày tại *Thuyết minh số 26*, Tập đoàn đã sử dụng 27.112.000 cổ phần của HA Agrico để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	267.018.503	155.137.052
Công cụ và thiết bị đang dùng	92.348.174	64.526.553
Tiền thuê nhà máy, văn phòng và mặt bằng	57.863.328	43.643.588
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	53.899.686	10.090.292
Chi phí quảng cáo	28.662.563	21.497.577
Chi phí bảo trì và sửa chữa	18.189.152	10.209.476
Khác	16.055.600	5.169.566
Dài hạn	530.587.954	473.216.110
Công cụ, dụng cụ đang dùng	204.277.818	169.990.879
Tiền thuê nhà máy, văn phòng và mặt bằng	149.131.697	125.082.729
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	64.890.140	58.017.834
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	50.680.001	62.538.527
Chi phí đền bù	30.205.850	31.686.519
Khác	31.402.448	25.899.622
TỔNG CỘNG	<u>797.606.457</u>	<u>628.353.162</u>

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Số tiền
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	6.402.967.934
Tăng do hợp nhất công ty con (<i>Thuyết minh số 4</i>)	105.758.570
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>6.508.726.504</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	(2.484.349.570)
Phân bổ trong kỳ	(275.680.211)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>(2.760.029.781)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>3.918.618.364</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>3.748.696.723</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Các bên khác (*)	14.076.285.250	13.032.994.822
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	20.312.599	-
TỔNG CỘNG	14.096.597.849	13.032.994.822

(*) Bao gồm trong khoản phải trả các bên khác là số tiền 11.333.509.582 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8.494.127.608 ngàn VND) phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh.

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên khác	1.489.377.918	2.204.548.251
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	10.582	-
TỔNG CỘNG	1.489.388.500	2.204.548.251

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	909.271.486	336.167.539	(285.325.231)	960.113.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") nộp thừa	22.659.606	-	(4.610.705)	18.048.901
Khác	23.262	701	-	23.963
TỔNG CỘNG	931.954.354	336.168.240	(289.935.936)	978.186.658
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	(183.373.455)	(7.191.361.193)	6.633.170.039	(741.564.609)
Thuế TNDN	(244.757.975)	(133.707.751)	306.993.533	(71.472.193)
Thuế nhập khẩu	(4.586.849)	(2.402.950.421)	2.407.537.270	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(804.282.474)	(668.527.778)	1.469.603.069	(3.207.183)
Thuế thu nhập cá nhân	-	(57.358.433)	52.311.235	(5.047.198)
Khác	(24.094.862)	(26.333.198)	34.466.525	(15.961.535)
TỔNG CỘNG	(1.261.095.615)	(10.480.238.774)	10.904.081.671	(837.252.718)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí xây dựng	1.033.428.593	1.102.443.335
Lãi vay	100.093.169	116.985.395
Mua nguyên vật liệu	50.341.957	69.908.664
Chi phí bảo hiểm	11.553.654	45.452.788
Thuế nhà thầu và thuế khác	5.043.789	1.714.993
Chi phí vận chuyển	2.066.312	2.577.416
Lương tháng 13	-	301.005.489
Khác	91.004.779	64.972.736
TỔNG CỘNG	<u>1.293.532.253</u>	<u>1.705.060.816</u>

25. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	1.610.757.373	196.062.676
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	1.276.843.629	-
Chi phí bảo trì, duy tu và bảo dưỡng	98.340.020	59.609.621
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	44.278.023	29.546.078
Cổ tức phải trả	33.681.061	9.818.514
Nhận ký quỹ, ký cược	19.566.750	18.144.989
Khác	138.047.890	78.943.474
Dài hạn	49.999.055	37.969.555
Nhận ký quỹ, ký cược	49.999.055	37.969.555
TỔNG CỘNG	<u>1.660.756.428</u>	<u>234.032.231</u>

26. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	26.627.416.945	22.270.191.920
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.1)	25.579.621.323	20.902.449.501
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 26.2)	3.087.622	3.087.622
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26.3)	1.044.708.000	1.364.654.797
Dài hạn	4.809.222.476	2.618.559.721
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.3)	4.808.932.746	2.618.269.991
Vay từ bên khác	289.730	289.730
TỔNG CỘNG	<u>31.436.639.421</u>	<u>24.888.751.641</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Số phát sinh trong kỳ		Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
		Tăng	Giảm			
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.1)	20.902.449.501	38.671.860.881	(33.984.252.247)	-	(10.436.812)	25.579.621.323
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 26.2)	3.087.622	-	-	-	-	3.087.622
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26.3)	1.364.654.797	-	(968.984.797)	649.038.000	-	1.044.708.000
	22.270.191.920	38.671.860.881	(34.953.237.044)	649.038.000	(10.436.812)	26.627.416.945
Dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.3)	2.618.269.991	2.843.058.000	-	(649.038.000)	(3.357.245)	4.808.932.746
Vay từ bên khác	289.730	-	-	-	-	289.730
	2.618.559.721	2.843.058.000	-	(649.038.000)	(3.357.245)	4.809.222.476
TỔNG CỘNG	24.888.751.641	41.514.918.881	(34.953.237.044)	-	(13.794.057)	31.436.639.421

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	4.372.231.439	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	3.757.345.725	3 - 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Mizuho (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	2.094.744.229	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	1.891.897.687	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.606.337.298	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.513.927.342	4 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Nam	1.356.336.358	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	1.347.859.931	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	1.336.908.904	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	1.038.394.801	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citibank Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.028.802.157	3 - 4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.1 Vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	666.000.000	12 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Trái phiếu chuyển đổi của HA Agrico, 27.112.000 cổ phiếu của HA Agrico sở hữu bởi Tập đoàn; Tập đoàn cam kết bảo lãnh các nghĩa vụ của khoản vay này
Ngân hàng Maybank tại Việt Nam	644.365.028	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
JPMorgan Chase Bank, N.A. - Chi nhánh Singapore	463.697.937	1 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV United Overseas - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	400.000.000	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	325.510.728	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân Hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	320.907.743	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	300.000.000	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	283.650.000	12 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	239.067.727	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Singapore	202.927.138	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.1 Vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Tiên Phong	124.255.385	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Shinhan Bank Korea	104.614.023	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	88.778.589	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	71.061.154	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	4 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc dự án Villa Khu II

TỔNG CỘNG

25.579.621.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết vay ngắn hạn tín chấp từ bên khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngàn VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất
Cá nhân	<u>3.087.622</u>	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Không lãi suất

26.3 Vay ngân hàng dài hạn

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Vay dài hạn từ ngân hàng	<u>5.853.640.746</u>	<u>3.982.924.788</u>
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	1.044.708.000	1.364.654.797
Vay dài hạn	4.808.932.746	2.618.269.991

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Tập đoàn thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ cho các dự án xây dựng khu công nghiệp, dự án BT, dự án trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm và bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	2.826.000.000	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại các dự án thuộc sở hữu của Cao su Đông Dương (công ty con của Tập đoàn từ ngày 6 tháng 7 năm 2019); toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Eastern Rubber và Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2 thuộc sở hữu của Cao su Đông Dương; toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại Cao su Đông Dương; Trái phiếu chuyển đổi của HA Agrico, 31.500.000 cổ phiếu sở hữu của Tập đoàn tại Thadi; cổ phiếu của HA Agrico sở hữu bởi Tập đoàn; Tập đoàn cam kết bảo lãnh các nghĩa vụ của khoản vay này
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	200.000.000		Lãi suất thị trường	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	1.743.319.893	30 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CI 812273
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	-		Lãi suất thị trường	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	1.172.398.058	30 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tài sản hình thành trong tương lai thuộc Khu Nhà ở phức hợp, thương mại dịch vụ tổng hợp đa chức năng và bệnh viện quốc tế thuộc Khu chức năng số VI trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm.
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	820.000.000			

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngân VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Hana Bank – Chi nhánh Hàn Quốc	83.682.795	3 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	20.000.000	72 – 120 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	20.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Huế	8.240.000	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và tài sản cố định hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	4.708.000			
TỔNG CỘNG	5.853.640.746			
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> <i>Vay dài hạn</i>	1.044.708.000 4.808.932.746			

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành và bảo dưỡng cho xe ô tô đã bán.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 Tính hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						Ngân VND
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	16.580.000.000	29.878.837	15.799.800	3.939.067	8.633.342.635	25.262.960.339
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.003.370.101	3.003.370.101
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(1.989.600.000)	(1.989.600.000)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	101.221.659	101.221.659
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.797.751)	(1.797.751)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(624.952)	-	(624.952)
Khác	-	-	-	-	(106.989)	(106.989)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	16.580.000.000	29.878.837	15.799.800	3.314.115	9.746.429.655	26.375.422.407

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	16.580.000.000	29.878.837	15.799.800	5.703.503	11.152.685.358	27.784.067.498
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (i)	66.958.570	-	-	-	-	66.958.570
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược (ii)	303.041.430	3.591.040.946	-	-	1.806.587.143	3.894.082.376
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(2.368.360)	1.806.587.143
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.034.000.000)	(2.368.360)
Cổ tức công bố (iii)	-	-	-	-	(5.372.381)	(2.034.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(5.372.381)	-	(5.372.381)
Khác	-	-	6.375.000	-	(5.611.148)	763.852
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	16.950.000.000	3.620.919.783	22.174.800	331.122	10.917.292.993	31.510.718.698

(i) Vào ngày 4 tháng 1 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 100/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận việc phát hành cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty ("ESOP") theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 14 tháng 9 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2018/NQ-HĐQT/THACO và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/2018/NQ-HĐQT/THACO ngày 19 tháng 12 năm 2018. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 6.695.857 cổ phiếu cho người lao động của Công ty vào ngày 18 tháng 2 năm 2019 với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 5 tháng 3 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 1428/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 16.580.000.000 ngàn VND lên 16.646.958.570 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 29 tháng 3 năm 2019, Công ty nhận được Công văn số 1947/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước, chấp thuận việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 6 tháng 3 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT/THACO ngày 7 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT/THACO ngày 14 tháng 3 năm 2019. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 30.304.143 cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư chiến lược vào ngày 3 tháng 4 năm 2019 với mức giá phát hành là 128.500 VND/cổ phiếu. Vào ngày 3 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 2170/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 16.646.958.570 ngàn VND lên 16.950.000.000 ngàn VND và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 22 tháng 4 năm 2019.
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 24 tháng 4 năm 2019, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 12% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 12% này, tương đương với 2.034.000.000 ngàn VND, vào ngày 14 tháng 5 năm 2019.

28.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.463.000.539	14.630.005.390	86,31	1.428.868.396	14.288.683.960	86,18
Cổ đông cá nhân	231.999.461	2.319.994.610	13,69	229.131.604	2.291.316.040	13,82
TỔNG CỘNG	1.695.000.000	16.950.000.000	100	1.658.000.000	16.580.000.000	100

28.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	16.580.000.000	16.580.000.000
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược	303.041.430	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty	66.958.570	-
Số cuối kỳ	<u>16.950.000.000</u>	<u>16.580.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố bằng tiền	2.034.000.000	1.989.600.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	756.048.444	1.067.630.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cổ phiếu đã được duyệt	1.695.000.000	1.658.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.695.000.000 1.695.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.695.000.000 1.695.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

28.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông phổ thông (ngàn VND) (*)	1.806.587.143	3.003.370.101
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quần (cổ phiếu)	1.688.736.107	1.658.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.070	1.811

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2019 do Tập đoàn chưa có kế hoạch trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm hiện tại.

28.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	3.377.850.229	1.337.882.416
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	27.000.000	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	22.095.578	40.434.987
Tăng do hợp nhất công ty con	92.824	209.983.237
Cổ tức đã công bố	(22.754.620)	(17.272.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.275.483)	(1.727.250)
Khác	666.395	221.741
Số cuối kỳ	3.402.674.923	1.569.522.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU

29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Doanh thu gộp	26.846.842.245	27.753.447.275
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe</i>	23.597.966.616	24.654.272.569
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.515.440.342	1.126.640.084
<i>Doanh thu chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự</i>	1.191.094.193	1.553.882.064
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	419.989.917	344.039.145
<i>Khác</i>	122.351.177	74.613.413
Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.095.646)	(2.029.652)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(11.095.646)	(2.029.652)
Doanh thu thuần	26.835.746.599	27.751.417.623
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe</i>	23.597.966.616	24.654.272.569
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.515.440.342	1.126.640.084
<i>Doanh thu chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự</i>	1.181.317.260	1.553.882.064
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	418.671.203	342.009.493
<i>Khác</i>	122.351.178	74.613.413

29.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	291.843.501	346.289.596
Lãi cho vay	56.407.310	2.940.000
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	43.113.467	25.293.303
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.812.452	8.987.237
Khác	3.213	4.846.140
TỔNG CỘNG	406.179.943	388.356.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Giá vốn xe các loại đã bán	19.701.745.946	20.236.058.534
Giá vốn dịch vụ cung cấp	985.316.946	559.022.416
Giá vốn chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự	975.261.703	1.264.770.825
Giá vốn phụ tùng đã bán	191.679.657	166.244.608
Khác	81.633.659	56.145.452
TỔNG CỘNG	<u>21.935.637.911</u>	<u>22.282.241.835</u>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí bán hàng	1.177.636.249	893.890.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.967.990	247.766.332
Chi phí nhân viên	333.064.918	272.785.921
Chi phí vận chuyển	174.582.963	240.042.985
Chi phí bảo hành, bảo dưỡng	72.292.512	60.421.272
Chi phí khấu hao và hao mòn	51.081.249	42.818.379
Phí hỗ trợ kỹ thuật	1.225.968	11.675.893
Chi phí khác	126.420.649	18.380.043
Chi phí quản lý doanh nghiệp	989.367.219	915.335.819
Chi phí nhân viên	337.531.017	342.423.573
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	275.680.211	285.124.771
Chi phí khấu hao và hao mòn	129.459.029	93.084.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.608.435	162.610.597
Khác	121.088.527	32.092.578
TỔNG CỘNG	<u>2.167.003.468</u>	<u>1.809.226.644</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lãi vay	677.796.196	275.738.586
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	514.132.508	413.685.717
Khác	25.470.720	139.562
TỔNG CỘNG	<u>1.217.399.424</u>	<u>689.563.865</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thu nhập khác	83.675.280	68.214.500
Cho thuê mặt bằng và văn phòng	20.283.494	3.096.449
Thu tiền lãi, phạt vi phạm thỏa thuận hợp tác theo biên bản thanh lý thỏa thuận	18.679.600	-
Thu nhập bán công cụ và thiết bị	11.917.817	22.478.092
Lãi từ thanh lý tài sản	6.519.406	-
Khác	26.274.963	42.639.959
Chi phí khác	(67.232.917)	(100.789.520)
Phân chia thu nhập cho cá nhân - Dự án hợp tác với Hoàng Gia	(10.807.064)	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(76.661.748)
Khác	(56.425.853)	(24.127.772)
GIÁ TRỊ THUẦN	16.442.363	(32.575.020)

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí hàng hóa và phụ tùng	19.301.880.520	19.286.353.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.427.969	1.091.662.808
Chi phí nhân viên	1.203.688.791	1.288.702.343
Giá vốn chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự	975.261.703	1.264.770.825
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13, 14, 15 và 20)	973.435.268	748.043.109
Khác	420.947.128	411.935.993
TỔNG CỘNG	24.102.641.379	24.091.468.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, phần lớn các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN tùy thuộc vào loại hình hoạt động kinh doanh và địa điểm hoạt động của các công ty con. Thuế suất thuế TNDN ưu đãi dao động từ 10% đến 20% và được miễn và/hoặc giảm thuế TNDN cho một số năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	128.181.422	315.533.679
Trích bổ sung thuế TNDN của các kỳ trước	10.137.034	1.699.127
	138.318.456	317.232.806
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(28.673.075)	(34.871.359)
TỔNG CỘNG	109.645.381	282.361.447

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của công ty mẹ và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.938.328.102	3.326.166.535
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(74.986.401)	148.610.360
Chi phí không được trừ	(3.923.604)	14.160.748
Phân bổ chênh lệch do đánh giá lại chi phí dự án của DQM	60.239.380	134.059.181
Lợi thế thương mại phân bổ	275.680.211	285.124.771
Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(44.436.631)	(31.787.219)
Lỗi tính thuế của các công ty con	179.562.550	53.370.961
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(586.624)	(78.425)
Thủ lao của Hội đồng Quản trị	7.405.109	1.200.000
Khác	(9.103.351)	(25.375.014)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	2.328.178.741	3.905.451.898
Thu nhập chịu thuế ước tính	2.328.178.741	3.905.451.898
Thuế TNDN ước tính	226.656.270	454.357.599
Thuế TNDN được miễn/giảm	(98.474.848)	(138.823.920)
Thuế TNDN ước tính sau khi miễn giảm	128.181.422	315.533.679
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	10.137.034	1.699.127
Chi phí thuế TNDN ước tính	138.318.456	317.232.806
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	222.098.369	118.307.987
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(306.993.533)	(246.418.205)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	53.423.292	189.122.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
			Ngàn VND	
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	26.962.411	-	26.962.411	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	23.778.899	24.975.164	(1.196.265)	15.162.575
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.711.586	1.375.995	335.591	26.110
Dự phòng đầu tư vào các công ty con	(34.372.286)	(24.895.748)	(9.476.538)	(7.129.162)
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản của DQM vào ngày hợp nhất giữa niên độ kinh doanh	(193.250.091)	(205.297.967)	12.047.876	26.811.836
TỔNG CỘNG	(175.169.481)	(203.842.556)	28.673.075	34.871.359
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	52.452.895	1.455.411		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(227.622.376)	(205.297.967)		

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Các cá nhân	Bên liên quan	Tạm ứng tiền mua căn hộ	-	60.360.297
		Bán căn hộ	-	19.388.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trả trước mua cổ phần	4.337.771.000	-
		Trả trước mua hàng hóa	681.000.000	-
		Cho vay	470.000.000	-
		Bán hàng	62.065.533	-
		Lãi cho vay	43.693.960	-
		Mua hàng hóa	20.312.600	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty có chung cổ đông lớn	Cho vay	325.312.149	-
		Lãi cho vay	16.347.805	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trái phiếu chuyển đổi	<u>2.216.880.000</u>	<u>2.216.880.000</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	62.065.533	-
Các cá nhân	Cổ đông lớn	Bán hàng	5.393.673	5.622.633
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng	2.387.568	2.987.009
TỔNG CỘNG			<u>69.846.774</u>	<u>8.609.642</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Cho vay	1.259.722.000	746.132.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty có chung cổ đông lớn	Cho vay	533.664.382	208.732.233
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai	Công ty liên kết	Cho vay	10.500.000	-
TỔNG CỘNG			<u>1.803.886.382</u>	<u>954.864.233</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Lãi cho vay	43.693.960	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty có chung cổ đông lớn	Lãi cho vay	16.347.805	2.983.678
Cá nhân	Bên liên quan	Trả hộ	1.505.624	1.048.670
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Trả hộ	43.604	-
TỔNG CỘNG			61.590.993	4.032.348
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Võ xe Triều Hải	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	10.582	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trả trước mua cổ phần	4.337.771.000	-
		Trả trước mua hàng hóa	681.000.000	-
Cá nhân	Cổ đông lớn	Trả trước mua cổ phần	2.829.639.294	2.829.622.894
Các cá nhân	Thành viên Ban Quản lý	Ứng tiền đầu tư	158.913.701	158.913.701
TỔNG CỘNG			8.007.323.995	2.988.536.595
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	20.312.599	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trần Oanh	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	1.141.280.475	-
Cá nhân	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	135.563.154	-
TỔNG CỘNG			<u>1.276.843.629</u>	<u>-</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lương và thù lao	<u>16.248.855</u>	<u>12.322.146</u>

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động – Tập đoàn là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu thu được trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Dưới 1 năm	81.108.150	56.124.770
Từ 1 - 5 năm	364.396.613	223.028.702
Trên 5 năm	532.848.888	690.831.406
TỔNG CỘNG	<u>978.353.651</u>	<u>969.984.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết cho thuê hoạt động – Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Dưới 1 năm	57.009.169	68.309.806
Từ 1 đến 5 năm	97.233.053	102.059.368
Trên 5 năm	239.969.271	261.961.185
TỔNG CỘNG	<u>394.211.493</u>	<u>432.330.359</u>

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 2.131.995.109 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.574.217.123 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có các cam kết trị giá 6.491.232.640 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.548.559.335 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các dự án của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là sản xuất và lắp ráp xe ô tô, và kinh doanh bất động sản.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Ngàn VND		
	<i>Sản xuất và lắp ráp xe ô tô</i>	<i>Kinh doanh bất động sản</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018			
Doanh thu bộ phận			
Tổng doanh thu của bộ phận	26.148.522.520	1.602.895.103	27.751.417.623
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-
TỔNG CỘNG	26.148.522.520	1.602.895.103	27.751.417.623
Lợi nhuận bộ phận	5.171.560.227	297.615.561	5.469.175.788
<i>Đối chiếu:</i>			
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế, doanh thu và chi phí tài chính	3.697.449.896	(37.500.752)	3.659.949.144
Doanh thu hoạt động tài chính	388.064.527	291.749	388.356.276
Chi phí tài chính	(675.792.508)	(13.771.357)	(689.563.865)
Lỗ khác	(27.201.892)	(5.373.128)	(32.575.020)
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	3.382.520.023	(56.353.488)	3.326.166.535
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Tài sản bộ phận	46.408.857.604	28.426.989.924	74.835.847.528
Nợ phải trả bộ phận	22.959.948.943	20.713.980.858	43.673.929.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Sản xuất và lắp ráp xe ô tô</i>	<i>Kinh doanh bất động sản</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019				
Doanh thu bộ phận				
Tổng doanh thu của bộ phận	25.543.478.159	1.306.187.388	21.453.239	26.871.118.786
Doanh thu giữa các bộ phận	-	(35.372.187)	-	(35.372.187)
TỔNG CỘNG	25.543.478.159	1.270.815.201	21.453.239	26.835.746.599
Lợi nhuận bộ phận	4.663.827.346	234.968.241	1.313.101	4.900.108.688
<i>Đối chiếu:</i>				
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế, doanh thu và chi phí tài chính	2.830.520.365	(95.769.806)	(1.645.339)	2.733.105.220
Doanh thu tài chính	389.742.737	16.436.238	968	406.179.943
Chi phí tài chính	(1.200.819.549)	(6.475.875)	(10.104.000)	(1.217.399.424)
Lợi nhuận khác	10.362.351	6.080.012	-	16.442.363
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	2.029.805.904	(79.729.431)	(11.748.371)	1.938.328.102
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019				
Tài sản bộ phận	51.204.537.783	29.991.089.665	5.052.734.503	86.248.361.951
Nợ phải trả bộ phận	(35.911.686.215)	(11.909.668.550)	(3.513.613.565)	(51.334.968.330)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 6 tháng 7 năm 2019, Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi"), một công ty con của Tập đoàn, đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng quyền sở hữu 100% cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (sau này đã được đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương) ("Cao su Đông Dương"). Theo đó, Cao su Đông Dương trở thành công ty con của Tập đoàn tại ngày này.

Ngoài ra, vào ngày 30 tháng 7 năm 2019, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của HA Agrico đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 3007/19/NQHĐQT-HAGI Agrico thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của HA Agrico đã phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 0605/18/NQ-ĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018. Theo Nghị quyết HĐQT nói trên, ngày thực hiện chuyển đổi các trái phiếu là ngày 9 tháng 8 năm 2019 với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi là 1:1000. Và cũng tại ngày 9 tháng 8 năm 2019, Tập đoàn đã chuyển đổi thành công toàn bộ 221.688 trái phiếu của HA Agrico thành 221.688.000 cổ phiếu. Theo đó, tỉ lệ sở hữu của Tập đoàn tại HA Agrico là 26,29% sau đợt chuyển đổi trái phiếu này.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019